

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BNG-LPQT
V/v hướng dẫn nội dung thực hiện rà soát
và đề xuất xử lý VBQPPL liên quan đến
thực hiện chủ trương về hội nhập quốc tế
trong tình hình mới

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Nghị quyết số 2093/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL (Ban Chỉ đạo), Quyết định số 5/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 của Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống VBQPPL, Bộ Ngoại giao hướng dẫn nội dung thực hiện rà soát và đề xuất xử lý VBQPPL liên quan đến thực hiện chủ trương về hội nhập quốc tế trong tình hình mới như sau:

I. Danh mục các văn bản của Đảng về chủ trương hội nhập quốc tế

1. Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới

(Do văn bản này được ban hành theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, Bộ Ngoại giao xin gửi kèm Công văn này Tài liệu học tập Nghị quyết 59 để Quý Cơ quan tham khảo, sử dụng.)

2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

3. Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

4. Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương

về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”

5. Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới

6. Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế

II. Các nội dung trọng tâm, đột phá và xuyên suốt của chủ trương hội nhập quốc tế trong tình hình mới là căn cứ rà soát

1. Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới

1.1. Mục tiêu cụ thể

a) Hội nhập kinh tế quốc tế

- Phát huy vai trò tiên phong, trung tâm của hội nhập kinh tế quốc tế trong huy động nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm quốc tế, nắm bắt và thích ứng với các xu thế quốc tế quan trọng để phục vụ phát triển và bảo vệ đất nước.

- Mở rộng và đa dạng hóa thị trường; nâng cao giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học công nghệ trong thương mại và phát triển bền vững.

- Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam; xây dựng các thương hiệu mạnh và có vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị và cung ứng toàn cầu.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài; khả năng hấp thụ và chuyển giao công nghệ; năng lực quản trị quốc gia và doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh kinh tế và an ninh tài chính quốc gia. Xây dựng, phát triển trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam theo đúng tiến độ, lộ trình trên tinh thần đổi mới mạnh mẽ để phát triển bứt phá.

b) Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh

- Giữ vững môi trường hòa bình và cục diện đối ngoại thuận lợi. Xây dựng, củng cố lòng tin chiến lược, gia tăng đan xen lợi ích, góp phần ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột. Phát huy vai trò và thế mạnh đối ngoại quốc phòng và đối ngoại công an nhân dân trong hóa giải nghi kỵ, bất đồng, gia tăng tin cậy, mở đường cho hợp tác, hội nhập trong một số lĩnh vực khác, nhất là các lĩnh vực

kinh tế mới nổi. Bảo đảm Việt Nam luôn ở trong số các quốc gia có môi trường hòa bình, an toàn nhất thế giới.

- Củng cố khuôn khổ quan hệ với các đối tác, các tổ chức quốc tế đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Nâng cao vai trò, đóng góp tích cực, chủ động hơn của Việt Nam trong nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Phân đầu là thành viên nòng cốt tại một số cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế, trọng tâm là ASEAN, Liên hợp quốc, khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- Đẩy mạnh xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, đồng bộ với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Kết hợp nội lực với tranh thủ ngoại lực, tăng cường tiềm lực, khả năng tự lực, tự cường về quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

c) Hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác

- Nâng cao chất lượng hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ, đi đôi với quản trị rủi ro công nghệ; chú trọng tiếp thu công nghệ và tiến tới làm chủ một số công nghệ chủ chốt. Phân đầu năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới về Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) và liên tục nâng hạng cao hơn vào các năm tiếp theo; tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt ít nhất 40% trong tổng số doanh nghiệp; đưa Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch quốc tế, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới; đưa nền giáo dục và hệ thống y tế Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; phát triển một số trường đại học lớn trong nhóm hàng đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương và nhóm 100 trường đại học hàng đầu thế giới.

d) Nâng cao năng lực và bản lĩnh chính trị hội nhập quốc tế

- Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều phối hoạt động hội nhập quốc tế; công tác nội luật hóa và năng lực thực thi pháp luật, cam kết, thỏa thuận quốc tế.

- Tạo chuyên biến căn bản về chất lượng nhân lực và năng lực hội nhập quốc tế của đội ngũ cán bộ các cấp, ngang tầm với trình độ khu vực. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhất là cho thế hệ trẻ, tạo ra “sức đề kháng” để “miễn nhiễm” với mặt trái của hội nhập quốc tế, ngăn chặn hiệu quả âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

1.2. Quan điểm chỉ đạo

- Yêu cầu giữ vững định hướng chính trị; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm phát huy

tiềm năng, thế và lực mới của đất nước, tạo động lực quan trọng để phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.

- Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, động lực và lực lượng chủ công.

- Hội nhập quốc tế phải trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng và phát huy tối đa nội lực đi đôi với tranh thủ hiệu quả ngoại lực là quan trọng, gắn kết chặt chẽ và góp phần tích cực hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nhân lực, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực phải gắn kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau, triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả, liên ngành trong một chiến lược tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm, với lộ trình và bước đi phù hợp. Hội nhập kinh tế là trung tâm, hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế, góp phần củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, đưa nền kinh tế tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu, tạo động lực mới cho đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.3. 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp

Nhiệm vụ 1: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong triển khai hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Nhiệm vụ 2: Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số

Nhiệm vụ 3: Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa

Nhiệm vụ 4: Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Nhiệm vụ 5: Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác

Nhiệm vụ 6: Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước

Nhiệm vụ 7: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế; phát huy vai trò tích cực, chủ động của các địa phương

2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

2.1. Yêu cầu “tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên; “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả vì lợi ích quốc gia – dân tộc trên cơ sở trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc”.

2.2. Yêu cầu đối ngoại trong kỷ nguyên mới phải: (1) Tạo dựng cục diện, môi trường thuận lợi cho đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình. (2) Đóng vai trò kiến tạo, động lực, mở ra các cơ hội mới cho đất nước phát triển. (3) Nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại. Với thế và lực mới, Việt Nam chủ động tham gia đóng góp tích cực duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

2.3. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, là thành viên có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Chủ động, tích cực đóng góp vào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; tham gia chủ động, có trách nhiệm vào việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế.

3. Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế

3.1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ký kết, thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế đối với sự phát triển, vị thế, uy tín của đất nước; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng trong tổng thể chủ trương, đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng ta, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

Các cấp ủy lãnh đạo toàn diện thông qua việc định hướng chủ trương, chính sách, chịu trách nhiệm chính về nội dung, tính hiệu quả, khả thi của các cam kết quốc tế thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của ban, bộ, ngành, địa phương; chỉ đạo việc xử lý hoặc đề xuất với cấp có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm các vấn đề vướng mắc, phát sinh. Xóa bỏ tư duy lấy số lượng thay cho chất lượng, coi trọng hình thức hơn nội dung; không ký kết các cam kết quốc tế không thiết thực, không khả thi.

3.2. Rà soát, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cải tiến quy trình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết, thực hiện cam kết quốc tế; tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tinh giản thủ

tục hành chính để tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế trong công tác ký kết, thực hiện cam kết quốc tế; bảo đảm hiệu quả của việc đánh giá tác động, tính tương thích giữa các cam kết quốc tế và pháp luật trong nước; thiết lập cơ chế tham khảo ý kiến, tiếp nhận phản hồi về các khó khăn, vướng mắc của các đối tượng thụ hưởng hoặc chịu tác động (nhất là doanh nghiệp, người dân), chuyên gia, học giả và các tổ chức xã hội.

3.3. Bố trí, bảo đảm nguồn lực cần thiết, phù hợp cho công tác ký kết, thực hiện cam kết quốc tế; sử dụng hiệu quả các quỹ, hỗ trợ quốc tế, sự đóng góp của doanh nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia, cán bộ. Huy động sự tham gia phù hợp của các chuyên gia, nhà khoa học trong quá trình nghiên cứu, tham mưu, đề xuất ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế phức tạp, có tác động lớn, đan xen trên nhiều lĩnh vực.

III. Yêu cầu, cách thức thực hiện rà soát và đề xuất phương án xử lý

1. Yêu cầu đối với rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương hội nhập quốc tế trong tình hình mới

1.1. Xác định các vấn đề thuộc đường lối, chủ trương của Đảng nêu trên về hội nhập quốc tế trong tình hình mới thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quý Cơ quan chưa được thể chế hóa đầy đủ, toàn diện (tại thời điểm ban hành VBQPPL được rà soát) hoặc đã thể chế hóa nhưng không phát huy hiệu quả trong thực tiễn triển khai.

1.2. Xác định nội dung, quy định của VBQPPL được rà soát không còn phù hợp với đường lối, chủ trương mới của Đảng về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

1.3. Xác định vấn đề mới theo đường lối, chủ trương của Đảng về hội nhập quốc tế trong tình hình mới thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quý Cơ quan cần thể chế hóa thành quy định pháp luật.

1.4. Xác định nội dung các văn bản của Đảng về hội nhập quốc tế trong tình hình mới cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

2. Đề xuất phương án xử lý

2.1. Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới để phù hợp với đường lối, chủ trương mới của Đảng về hội nhập quốc tế trong tình hình mới hoặc đề xuất nội dung, VBQPPL cần tạm ngưng hiệu lực hoặc cơ chế xử lý đặc biệt.

2.2. Đề xuất các đường lối, chủ trương của Đảng cần tiếp tục được hoàn thiện để đảm bảo sự thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

3. Về phương thức, biện pháp kỹ thuật rà soát cụ thể, hình thức báo cáo kết quả rà soát

Đề nghị Quý Cơ quan thực hiện theo Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ ngày 22/4/2026 của Ban chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VPQPPL.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung thực hiện rà soát và đề xuất xử lý VBQPPL liên quan đến thực hiện chủ trương về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, đề nghị Quý Cơ quan liên hệ Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao (đt: 024 3799 5821, email: pckt.mofa@gmail.com) để được hỗ trợ.

Bộ Ngoại giao trân trọng thông tin./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Hoài Trung (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để b/c);
- CSDN;
- Lưu: HC, LPQT (DTV).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn